

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ai, ay, ây*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ai, ay, ây*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ai, ay, ây*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ai, ay, ây*.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *ai, ay, ây* có trong bài học.
- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người và loài vật (được nhân cách hoá).
- Cảm nhận được những điều thú vị trong đời sống của con người cũng như của loài vật được thể hiện trong tranh, từ đó biết trân trọng giá trị cuộc sống.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *ai, ay, ây*; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ này.
- Hiểu được trong 2 vần *ai, ay*, mặc dù cùng viết bằng chữ *a*, nhưng hai nguyên âm của hai vần khác nhau về đặc điểm âm vị học. Trong *ay*, nguyên âm là âm *a ngắn /ă/*, còn trong *ai*, nguyên âm là âm *a không ngắn /a/*. Ngược lại, mặc dù âm cuối viết bằng hai chữ khác nhau (*i* và *y*), nhưng đều dùng để ghi âm *i*. Khi âm *i* đứng sau âm *a ngắn /ă/* thì viết bằng chữ *y*, còn khi đứng sau âm *a không ngắn /a/* thì viết bằng chữ *i*. Cũng có thể nói ngược lại, nguyên âm *a* đứng trước âm ghi bằng chữ *y* là âm *a ngắn*; nguyên âm *a* đứng trước âm ghi bằng chữ *i* là âm *a không ngắn*.

Tuy nhiên, khi dạy cho HS, GV không cần giải thích sâu như vậy. Khi so sánh hai vần này, nên bám theo chữ viết, *ai* và *ay* giống nhau ở chữ đứng đầu (chữ *a*), khác nhau ở chữ đứng sau (chữ *i* và chữ *y*).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*em, êm, im, um*) và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 - 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Hai bạn/ thi nhảy dây.*
- GV giới thiệu các vần mới *ai, ay, ây*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *ai, ay, ây*.
 - + Một số (2 - 3) HS so sánh vần *ai, ay, ây* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.

- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *ai, ay, ây*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ai*.
 - + HS tháo chữ *i*, ghép *y* vào để tạo thành *ay*.
 - + HS tháo chữ *a*, ghép *â* vào để tạo thành *ây*.
- Lớp đọc đồng thanh *ai, ay, ây* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *hai* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *hai*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *hai* (*hờ – ai – hai*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *hai*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *hai*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *hai*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
 - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ai, ay, ây*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng và 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *chùm vải, máy cày, đám mây*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chùm vải*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *chùm vải* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ai* trong *chùm vải*, phân tích và đánh vần tiếng *vải*, đọc trơn từ ngữ *chùm vải*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *máy cày, đám mây*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ai, ay, ây*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ai, ay, ây*.
- HS viết vào bảng con: *ai, ay, ây* và *vải, máy, mây* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết các vần *ai* và *ây* vì trong các vần *ây* đã có *ay*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ai, ay, ây*; từ ngữ *chùm vải, đám mây*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ai, ay, ây*.
- Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ai, ay, ây* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + Con vật mà nai con nhìn thấy có đặc điểm gì?
 - + Em thử đoán xem nai con sẽ nói gì với mẹ?
 - + Nai mẹ nói gì với nai con?

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi HS trả lời: *Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những ai? Hà đang làm gì? Chuyện gì xảy ra? Em thử đoán xem tại sao Hà lại va phải người khác? Theo em, Hà sẽ nói gì với người đó?*
- Một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về tình huống xin lỗi.
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức xin lỗi những khi có lỗi với người khác.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ai, ay, ây* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ai, ay, ây* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.